

THÊM MỘT CÁI NHÌN VỀ SO SÁNH TU TỪ TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Nguyễn Hiền Trang

Trường THPT Nguyễn Thái Học, Khánh Hòa

Tóm tắt: So sánh tu từ sử dụng tín hiệu ngôn ngữ được quan tâm nghiên cứu trong nhiều thế kỉ, từ nhiều góc độ khác nhau và là phương thức nghệ thuật được sử dụng rộng rãi trong các phong cách chức năng ngôn ngữ, phổ biến trong nhiều loại văn bản vì nó góp phần làm cho văn bản giàu tính hình tượng và tính biểu cảm. Trong chương trình Ngữ văn trung học phổ thông, so sánh tu từ xuất hiện khá nhiều trong các văn bản được chọn giảng, nhất là trong các văn bản nghệ thuật.

Từ khóa: so sánh tu từ, văn bản, chương trình Ngữ văn, ...

1. Mở đầu

Trong hoạt động dạy học Ngữ văn ở nhà trường trung học phổ thông (THPT), vấn đề tiếp nhận hình tượng nghệ thuật của tác phẩm văn học rất quan trọng. Để tiếp nhận được hình tượng nghệ thuật của tác phẩm văn học thì có nhiều con đường nhưng có một con đường được nhiều người đồng thuận là thông qua ngôn từ của tác phẩm. Cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học từ góc độ ngôn ngữ là vấn đề đã được quan tâm, nghiên cứu từ lâu cho nên đây không phải là con đường tiếp nhận văn học mới nhưng nó luôn giữ vững vai trò quan trọng của mình trong việc giúp người tiếp nhận phân tích hợp lí và có cơ sở về ý nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết trong tác phẩm văn học. Tiếp nhận tác phẩm văn học từ các yếu tố ngôn ngữ được xem là chìa khóa quan trọng để mở cánh cửa đi vào khám phá thế giới nghệ thuật của tác phẩm và tìm hiểu tư tưởng, tình cảm của tác giả.

Trong tác phẩm của mình, các tác giả luôn phải tìm tòi, sáng tạo những phương tiện biểu cảm của ngôn từ và những phương thức tu từ để tạo nghĩa hình tượng cho ngôn từ. Trong hệ thống các phương tiện biểu cảm của ngôn từ, so sánh tu từ là phương tiện biểu cảm đặc biệt, có ý nghĩa trong quá trình sáng tạo và tiếp nhận văn học. Phát hiện phép so sánh tu từ là điều không khó, nếu nắm rõ khái niệm, cấu trúc, phân biệt được sự khác nhau giữa so sánh tu từ và so sánh lô-gic thì có thể dễ dàng nhận ra những câu sử dụng so sánh tu từ. Để thực hiện bài báo này, tôi đã khảo sát so sánh tu từ trong 111 văn bản được chọn giảng (kể cả những văn bản đọc thêm và

những văn bản thuộc văn học nước ngoài) trong chương trình Ngữ văn THPT.

2. Nội dung nghiên cứu và bàn luận

2.1. Dấu ấn của so sánh tu từ trong chương trình Ngữ văn THPT

Trong phân môn Văn học trong chương trình Ngữ văn THPT hiện nay, chương trình lớp 12 có số lượng văn bản được chọn giảng ít nhất nhưng lại có số trang và số lượng câu sử dụng so sánh tu từ nhiều nhất. Trong 111 văn bản chọn giảng được khảo sát, tôi đã thống kê được khoảng 305 câu sử dụng so sánh tu từ. Trong đó, kiểu văn bản nghệ thuật sử dụng nhiều so sánh tu từ vì yêu cầu tối ưu của kiểu văn bản này là tính hình tượng và tính biểu cảm. Trong 74 văn bản có so sánh tu từ thì văn bản *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân) [13, 185] có số lượng câu sử dụng so sánh tu từ nhiều nhất (32 câu). Qua khảo sát các văn bản, có thể rút ra được một số đặc điểm như sau:

2.2. So sánh tu từ được sử dụng phổ biến, góp phần thể hiện thành công phong cách nghệ thuật của tác giả

Trong 111 văn bản được tôi khảo sát thì có tới 74 văn bản có câu sử dụng so sánh tu từ. Điều này cho thấy rằng: So sánh tu từ là phương tiện biểu đạt được nhiều tác giả sử dụng góp phần làm cho lời thơ, câu văn mang tính nghệ thuật cao.

Trong các văn bản chính luận, so sánh tu từ có tác dụng tạo ra sự diễn đạt sinh động, truyền cảm mạnh mẽ và có sức hấp dẫn, thuyết phục đối với người đọc, người nghe. Chẳng hạn như, trong *Đại cáo bình Ngô* [10, 16], giữa thời thế

loạn lạc của đất nước trong kháng chiến chống quân Minh, người tài giỏi giúp nước xuất hiện rất hiếm; đề miêu tả tình cảnh đó, Nguyễn Trãi đã dùng hình ảnh so sánh tu từ có sức truyền cảm lớn:

*Tuần kiệt như sao buổi sớm
Nhân tài như lá mùa thu.
Trông người người càng vắng bóng, mịt mù như
nhìn chốn bể khơi,
Tự ta ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu người
chết đuối.*

Hay trong *Chiếu cầu hiền* [11, tr. 68], đề kêu gọi, khuyến khích người hiền tài ra giúp nước, Ngô Thì Nhậm đã thay lời vua Quang Trung viết: *Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao.*

So sánh tu từ thường chiếm vị trí quan trọng trong các văn bản nghệ thuật. Ngôn ngữ nghệ thuật rất ưa dùng so sánh tu từ trong biểu đạt vì yêu cầu tối ưu là tính hình tượng và tính biểu cảm. Trong chương trình Ngữ văn THPT, so sánh tu từ được sử dụng trong các văn bản nghệ thuật thuộc nhiều thể loại khác nhau và ở tất cả thời kì, giai đoạn văn học. Chẳng hạn như, các văn bản văn học dân gian gồm sử thi: đoạn trích *Chiến thắng Mtao Mxây*, *Uy- lít-xơ trở về* (Hơ-me-rơ), *Ra-ma buộc tội* (Van-mi-ki); truyền thuyết, truyện cổ tích: *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trạng Thủy*, *Tấm Cám*; ca dao: *Ca dao than thân, yêu thương, tình nghĩa*; truyện thơ: *Lời tiễn dặn*. Các văn bản văn học trung đại gồm thơ: *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* (Nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn, bản diễn Nôm: Đoàn Thị Điểm ?); một số đoạn trích *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) như *Trao duyên*, *Nỗi thương mình*, *Thề nguyện*; *Khóc Dương Khuê* (Nguyễn Khuyến). Các văn bản văn học hiện đại gồm truyện ngắn, tiểu thuyết như: *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam), *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân), *Chí Phèo* (Nam Cao),...; các văn bản thơ như: *Nhớ đồng* (Tố Hữu), *Tiếng hát con tàu* (Chế Lan Viên), *Bác ơi!* (Tố Hữu),...; các văn bản kịch, kí như: *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ), *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân), *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường),...

Đặc biệt, so sánh tu từ là phương tiện biểu đạt tối ưu trong các văn bản thơ văn hiện đại trong chương trình Ngữ văn THPT. Dù số lượng các tác phẩm của mỗi tác giả được đưa vào chương trình không nhiều, những nhà văn tiêu biểu thì có khoảng hai, ba tác phẩm, nhưng các tác phẩm được đưa vào dạy học ở phân môn Văn học trong chương trình Ngữ văn THPT đều là những tác phẩm tiêu biểu cho phong cách sáng tác của từng tác giả.

Trong *Hầu trời* [12, tr.12], *cái tôi* lãng mạn bay bổng, vừa phóng khoáng, ngông nghênh, vừa cảm thương, ưu ái trong thơ văn Tân Đà đã chinh phục thể hệ độc giả đầu thế kỉ XX. *Cái ngông* trong thơ ông được biểu hiện rõ nét qua những vần thơ:

*Nhời văn chuốt đẹp như sao băng!
Khi văn hùng mạnh như mây chuyển!
Êm như gió thoảng, tinh như sương!
Đầm như mưa sa, lạnh như tuyết!*

Hay phong cách trữ tình chính trị của Tố Hữu được thể hiện rõ nét trong bài thơ *Bác ơi!* [13, tr.167] qua nhiều vần thơ giàu cảm xúc:

*Bác chẳng buồn đâu, Bác chỉ đau
Nỗi đau dân nước, nỗi năm châu
Chỉ lo muôn mối như lòng mẹ
Cho hôm nay và cho mai sau...
Bác vui như ánh buổi bình minh
Vui mỗi mầm non, trái chín cành
Vui tiếng ca chung hòa bốn biển
Nâng niu tất cả, chỉ quên mình.*

Đó là những tình cảm kính trọng thiêng liêng mà nhà thơ đã dành cho Bác Hồ. Thơ Tố Hữu sử dụng nhiều nghệ thuật tu từ độc đáo và so sánh là một trong những phương thức tu từ góp phần thể hiện thành công phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.

Trong *Hai đứa trẻ* [11, tr. 94], Thạch Lam đã sử dụng nhiều câu so sánh tu từ, mỗi hình ảnh so sánh tu từ đều để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc về cuộc sống và con người của một phố huyện nghèo bởi phong cách văn chương nhẹ nhàng, sâu lắng và đậm chất trữ tình của nhà văn:

*Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru,
văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng
ruộng theo gió nhẹ đưa vào.*

*Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những
đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn.*

Nhà văn đã dẫn người đọc đến với khung cảnh một buổi chiều tàn của phố huyện bằng những hình ảnh so sánh sinh động và đầy sáng tạo. Buổi chiều trong văn Thạch Lam cứ nhẹ nhàng, yên tĩnh nhưng cũng là nỗi da diết và ám ảnh trong lòng người đọc bởi cuộc sống nghèo khó, quẩn quanh của những con người phố huyện. Khi đêm đến, nhà văn cũng so sánh *một đêm mùa hạ êm như nhung và thoảng qua gió mát* và nhiều hình ảnh so sánh tiếp theo trong văn bản cũng không gây bất ngờ cho người đọc bởi khung cảnh tĩnh lặng quen thuộc của phố huyện nghèo cứ thế tiếp nối diễn ra: *Liên cũng trông thấy ngọn lửa xanh biếc, sát mặt đất như ma trời; Nhưng Liên không nghĩ được lâu, mắt chị nặng dần, rồi sau Liên ngáp vào giấc ngủ yên tĩnh, cũng yên tĩnh như đêm ở trong phố, tịch mịch và đầy bóng tối.*

Khác với Thạch Lam, trong *Người lái đò Sông Đà* [13, tr. 185], Nguyễn Tuân đã đưa người đọc đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác bằng nhiều hình ảnh so sánh thú vị khi nhà văn khắc họa tính cách hung bạo của Sông Đà. Trong 74 văn bản có câu sử dụng so sánh tu từ thì *Người lái đò Sông Đà* có số lượng câu sử dụng so sánh tu từ nhiều nhất (32 câu). Nhà văn đã miêu tả vẻ đẹp của Sông Đà qua hai đặc điểm nổi bật: tính cách hung bạo và vẻ đẹp trữ tình. Khi miêu tả vẻ đẹp nào của Sông Đà, Nguyễn Tuân cũng sử dụng hình ảnh so sánh tu từ một cách tối ưu để giúp người đọc cảm nhận được một con Sông Đà như đang thực sự hiện ra trước mắt. Khi khắc họa tính cách hung bạo của con sông, Nguyễn Tuân so sánh:

Có vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu.

Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc.

Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào.

Cái thuyền xoay tít, những thước phim màu cũng quay tít, cái máy lia ngược contre – plongée lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem.

Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng.

Một hòn ăy trông nghiêng thì y như là đang hát hàm hời cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến.

Nước bám lấy thuyền như đô vật túm thắt lưng ông đò đòi lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la náo náo.

Những hình ảnh so sánh tu từ độc đáo, sinh động trên đã giúp nhà văn khắc họa thành công diện mạo và tâm địa của con Sông Đà – nó là kẻ thù số một của người lái đò. Đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác, khi miêu tả vẻ đẹp trữ tình của Sông Đà, Nguyễn Tuân đã khéo léo đưa người đọc khám phá vẻ đẹp tường tận của con Sông Đà khi nhìn từ trên tàu bay, khi dạo thuyền trên sông và khi đi dạo đường rừng núi:

Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân.

Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về.

Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng.

Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó đầm đằm ám ám như gập lại cổ nhân, mặc dầu người cổ nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chứng, chốc dậu dậu đấy, rồi chốc lại bản tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy.

Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa.

Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi.

Dòng sông quăng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc.

Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vôi nó khác hẳn những con đò đuôi én thất mình dây cổ điển trên dòng trên.

Nguyễn Tuân – người nghệ sĩ tài hoa suốt đời đi tìm cái đẹp đã sử dụng so sánh tu từ như một biện pháp nghệ thuật hữu hiệu, tối ưu trong nhiều tác phẩm. Nó cũng có thể xuất phát từ đặc trưng của tùy bút là phải nói được những cái đẹp chân thực, gần gũi và sinh động trong cuộc sống hàng ngày. Vì thế mà Nguyễn Tuân đã sử dụng so sánh tu từ đặc sắc như vậy. So sánh của Nguyễn Tuân rất đặc biệt, nó làm cho câu văn trở nên thơ hóa và so sánh của ông dù miêu tả thiên nhiên hay con người, cũng đều có nhiều liên tưởng mới lạ, thú vị, độc đáo và giàu tính gợi hình, gợi cảm. Và cách thức sử dụng phép so sánh tu từ trong văn xuôi của ông có thể là nguồn tham khảo quý giá đối với học sinh khi được yêu cầu sáng tạo những câu sử dụng câu trúc so sánh tu từ.

Sống cùng thời với Nguyễn Tuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã in đậm dấu ấn phong cách văn chương của mình qua bài bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* [13, tr. 197]. Người biên soạn sách đã khéo léo đặt hai văn bản *Người lái đò Sông Đà* và *Ai đã đặt tên cho dòng sông* ở cuối học kì I, chương trình Ngữ văn lớp 12. Hai văn bản thuộc hai thể loại khác nhau, miêu tả hai đối tượng khác nhau nhưng cơ sở để học sinh so sánh, đối chiếu hai văn bản, đó là vẻ đẹp của hai con sông. Từ sự so sánh đó, học sinh sẽ thấy được vẻ đẹp địa lí, vẻ đẹp văn hóa của từng vùng miền: Nếu Sông Đà là vẻ đẹp đặc trưng của thiên nhiên hùng vĩ Tây Bắc thì sông Hương là vẻ đẹp trầm lặng, trữ tình của thiên nhiên miền Trung nói chung và xứ Huế nói riêng.

Đồng thời, qua hai văn bản này, học sinh sẽ thấy được phong cách nghệ thuật độc đáo của từng nhà văn. Nếu *Người lái đò Sông Đà* làm cho người đọc hồi hộp như người xem phim khi sự thấy mình đang lấy gân giữ chặt ghế thì *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* đã cho người đọc thấy được nét trữ tình, mộng mơ của sông Hương xứ Huế bằng nhiều hình ảnh so sánh tu từ mềm mại, uyển chuyển:

Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng.

Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại.

Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trán để sắc nước trở nên xanh thẳm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột ngột như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo mà từ đó, người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi.

Thỉnh thoảng, tôi vẫn còn gặp trong những ngày nắng đem ra phơi, một sắc áo cưới của Huế ngày xưa, rất xưa: màu áo điều lục với loại vải vẫn thừa màu xanh chàm lồng lên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện, thấp thoáng theo bóng người, thướt ắt các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương giáng. Đây cũng chính là màu của sương khói trên sông Hương, giống như tấm voan huyền ảo của tự nhiên, sau đó ẩn giấu khuôn mặt thực của dòng sông...

Dường như, các nhà văn sáng tạo không theo khuôn mẫu nào cả mà luôn hướng đến sự sáng tạo độc đáo, mới lạ, theo tư duy và tâm hồn của chính họ. Vì thế, những hình ảnh so sánh tu từ của họ có thể không theo cấu trúc chuẩn nhưng lại luôn đạt đến cái đích cuối cùng của nghệ thuật, đó là: hay, đẹp và độc đáo. Một so sánh tu từ đạt đến tính nghệ thuật thì phải tuân thủ bảy yêu cầu: cụ thể, gần gũi, hợp lí, tiêu biểu, bất ngờ, biểu cảm và có giá trị thẩm mỹ (Theo Nguyễn Thế Lịch). Một so sánh được coi là độc đáo, có giá trị là một so sánh luôn phát hiện ra những nét khác nhau đến không ngờ của các sự vật, hiện tượng. Chính vì thế, khi sử dụng so sánh tu từ, người viết hay người nói phải có một sự quan sát tinh tế, một thính giác nhạy bén, một tâm hồn ý nhị thì mới có những văn thơ hay, những câu văn đặc sắc. Như vậy, so sánh tu từ trong các tác phẩm thuộc về sự lựa chọn, tổ chức

sử dụng của các tác giả và vì vậy, những hình ảnh này luôn luôn in đậm dấu ấn sáng tạo của họ.

2.3. Đời sống thực tế phong phú của con người hiện lên qua hình ảnh so sánh tu từ

Trong các tác phẩm thuộc dòng văn học dân gian, tác giả dân gian đã sáng tạo ra nhiều hình ảnh so sánh tu từ phản ánh những ước mơ của nhân dân trong xã hội xưa. Trong văn bản *Chiến thắng Mtao Mxây* [9, 30], nhiều hình ảnh quen thuộc, gần gũi của rừng núi Tây Nguyên hiện lên đã phản ánh chân thực đời sống văn hóa, tâm linh, tín ngưỡng; các phong tục, tập quán; thói quen sinh hoạt của con người và đặc điểm thiên nhiên nơi đây qua nhiều câu sử dụng so sánh tu từ. Chẳng hạn như:

Bà con xem, khiến hần tròn như đầu củ, guom hần óng ánh như cái cầu vồng.

Trông hần dữ tợn như một vị thần.

Hần đóng một cái kho sọc gấp bỏ mũi, mỗi bước mỗi dần đo, giữa một đám đông mịt mù như trong sương sớm.

Ta như gà làng mới mọc cựa kilê, như gà rừng mới mọc cựa êchăm, chưa ai giẫm phải mà đã gãy mất cánh.

Khiến hần kêu lạch xạch như quả mướp khô.

Chàng múa trên cao, gió như bão.

Chàng múa dưới thấp, gió như lốc.

Đoàn người đông như bầy cá tong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối.

Tôi tớ mang của cải về nhiều như ong đi chuyển nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, như bầy trai gái đi giếng làng công nước.

Rượu bầy ché, trâu bầy con để dâng thần, rượu bầy ché, lợn thiến bầy con để dâng thần, cầu cho ta được bình yên vô sự, nạn khỏi tai qua, lớn lên như sông nước, cao lên như cây rừng, không còn ai bì kịp.

Chàng mở tiệc ăn uống linh đình, thịt lợn, thịt trâu ăn không ngớt, thịt lợn ăn đến cháy đen hết ống le, thịt dê ăn đến cháy đen hết ống lồ ô, máu bò máu trâu đọng đen khắp sàn hiên, dây công dây chiêng giăng như mạng nhện, chỉ vàng chỉ đỏ như hoa dam piết.

Đọc những câu trên, người đọc có thể hiểu thêm về đời sống văn hóa của người dân Tây Nguyên từ xa xưa. Các hình ảnh: *vị thần, dâng thần,...* đã phản ánh đời sống tâm linh, tín ngưỡng của người Tây Nguyên; các hình ảnh: *bão, lốc,...* đã phản ánh chân thực thiên nhiên khắc nghiệt của núi rừng; các hình ảnh *ché, cựa kilê, cựa êchăm, hoa dam piết, bầy cá tong, bầy thiêu thân, ong, vò vẽ, kiến, mối, công nước,...* đã phản ánh được ngôn ngữ và đặc trưng thiên nhiên của rừng núi Tây Nguyên. Nếu không chú ý vào chủ thích cuối trang trong sách giáo khoa thì người đọc khó có thể biết được

cựa kilê, cựa êchăm (kilê, êchăm: hai loại cây rừng có gai nhọn sắc), *hoa dam piết* (một loài hoa rừng màu đỏ), *bảy cà tong* (một loài hươu sao),... là gì. Đó là những hình ảnh quen thuộc, gần gũi trong đời sống của người dân Tây Nguyên được tác giả dân gian chọn làm những hình ảnh so sánh tu từ đậm chất văn hóa vùng miền. Việc sử dụng so sánh tu từ đã góp phần làm cho sử thi giàu tính gợi hình, gợi cảm và gần gũi hơn với người đọc trong quá trình tiếp nhận.

Hay trong truyện cổ tích *Tám Cám* [9, tr. 65]: *Trên các nẻo đường, quần áo mở ba mở bảy dập dùi tuôn về kinh như nước chảy*. Còn trong *Ca dao than thân, yêu thương, tình nghĩa* [9, tr. 82], tác giả dân gian đã so sánh *Thân em* với những sự vật quen thuộc, gần gũi với cuộc sống của người dân lao động nhằm thể hiện số phận bấp bênh và phẩm chất của người phụ nữ trong xã hội phong kiến:

*Thân em như tấm lụa đào
Phát phơ giữa chợ biết vào tay ai.*

Thân em như củ ấu gai

Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen.

Còn trong *Lời tiễn dặn* (Trích *Tiễn dặn người yêu* – truyện thơ dân tộc Thái) [9, tr. 93], tình yêu đôi lứa được so sánh với những sự vật rất đời thường quen của người lao động:

Đôi ta yêu nhau, tình Lú - Ưa mặn nồng,

Lời đã trao thương không lạc mất;

Như bán trâu ngoài chợ,

Như thu lúa miền bông.

Lòng ta thương nhau trăm lớp nghìn trùng,

Bền chắc như vàng, như đá.

Trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu) [11, tr. 56]:

Mười năm công vỡ ruộng, chưa ắt còn danh nổi như phao; một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ.

Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa; mùi tình chiến vậy và đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

Trong chương trình Ngữ văn THPT hiện nay, có 22 văn bản thuộc văn học nước ngoài được chọn giảng. Nhiều câu sử dụng so sánh tu từ trong các văn bản này đã xuất hiện những hình ảnh quen thuộc góp phần phản ánh một số nét văn hóa của một số quốc gia trên thế giới. Chẳng hạn như: biểu tượng về *thần, thánh, sứ giả, con hổ*,... xuất hiện trong các văn bản: *Uy-lít-xơ trở về*, *Ra-ma buộc tội*, *Tào Tháo uống rượu luận anh hùng*, *Tình yêu và thù hận*, *Ông già và biển cả*,...:

Khi Uy-lít-xơ từ phòng tắm bước ra, trông người đẹp như một vị thần.

(Hô-me-ơ, *Uy-lít-xơ trở về*) [9, tr. 47]

Vào lúc đó, chẳng có ai trong đám bạn hữu dám nói gì với Ra-ma, hoặc nhìn vào chàng; lúc đó nom chàng khủng khiếp như thần Chết vậy. (Van-mi-ki, *Ra-ma buộc tội*) [9, tr. 55]

Rồng ví như anh hùng trong đời.

(La Quán Trung, *Tào Tháo uống rượu luận anh hùng*) [10, tr. 80]

Bởi đêm nay, nàng tỏa ánh hào quang, trên đầu ta, như một sứ giả nhà trời có cánh, đang cười những áng mây lững lờ lướt nhẹ trên không trung, khiến những kẻ trần tục phải cố ngược đôi mắt trắng dã lên mà chiêm ngưỡng.

(U.Sếch-xpia, *Tình yêu và thù hận*) [11, tr. 197]

Những đường sọc ấy lớn hơn cả bàn tay người xoè rộng, còn mắt nó trông đùng đùng như những tấm kính trong kính viễn vọng hay như một vị thánh trong đám rước.

(Hê-minh-uê, *Ông già và biển cả*) [14, tr. 126]

Hầu hết các văn bản không sử dụng cấu trúc sẵn có mà mỗi văn bản, tùy mỗi sự vật, hiện tượng được miêu tả mà các tác giả có kiểu lựa chọn hình ảnh và tổ chức cấu trúc khác nhau. Tuy vậy, hầu hết các hình ảnh so sánh đều hết sức quen thuộc, gần gũi. Chính vì thế, dễ hiểu được so sánh tu từ trong các văn bản, người đọc phải có sự am hiểu về cơ chế tạo nghĩa của phương thức tu từ này và có những tri thức tổng hợp về đời sống tự nhiên và xã hội.

3. Kết luận

Trong thực tế, phát hiện so sánh tu từ không phải là việc khó nhưng khám phá, phân tích giá trị nghệ thuật của một phép so sánh tu từ thì lại là việc không dễ dàng. Để nhận diện được hình ảnh so sánh tu từ, đầu tiên, người đọc phải nắm được khái niệm và những đặc trưng của so sánh tu từ (trong sự phân biệt với so sánh lô-gic); phải nắm được mô hình cấu tạo đầy đủ của so sánh tu từ. Đây được xem là những tri thức nền cơ bản để giúp người đọc từng bước khám phá cái hay, cái đẹp của những hình ảnh so sánh tu từ. Ngoài những tri thức trên, muốn phân tích xác đáng, hợp lý những hình ảnh so sánh tu từ thì người đọc phải có những tri thức tổng hợp cơ bản về đời sống tự nhiên và xã hội trên nhiều lĩnh vực để từ đó, người đọc mới dễ dàng hiểu được đối tượng được so sánh của vế (A t) và đối tượng làm chuẩn so sánh của vế (B) là gì, có những đặc trưng như thế nào. Thông thường, trong các văn bản được chọn giảng ở chương trình THPT, đối với những từ lạ, không phổ biến, người biên soạn sách thường chú thích ở cuối trang. Do đó, người đọc sẽ có thêm thông tin để làm cơ sở khi phân tích hình ảnh so sánh tu từ. Đồng thời, bằng ý nghĩa hình tượng có được, so sánh tu từ

tác động vào trực giác của người nhận và để lại khả năng cảm thụ sáng tạo.

Như vậy, muốn hiểu và viết được những câu văn sử dụng so sánh tu từ độc đáo thì người dạy và người học đều phải trau dồi vốn sống và vốn hiểu biết cho riêng mình bằng việc tăng cường đọc sách, đọc nhiều tác phẩm văn học thế giới và trong nước. Những tri thức về đời sống tự nhiên và đời sống xã hội sẽ là nền tảng để giúp chúng ta viết được những câu văn giàu tính hình tượng và biểu cảm. Để khám phá, tiếp nhận và sáng tạo những câu sử dụng so sánh tu từ hay và đẹp thì ta phải nắm rõ bản chất của so sánh tu từ và có những hiểu biết cơ bản về kiến thức tự nhiên và xã hội. Như vậy, có thể khẳng định rằng: So sánh là biện pháp tu từ đặc dụng để tạo nên những câu sinh động, giàu hình ảnh.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (2009), *Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.
2. Hữu Đạt (2001), *Phong cách học tiếng Việt hiện đại*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.
3. Nguyễn Thiện Giáp (1998), *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

4. Đinh Trọng Lạc (1999), *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

5. Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hòa (2012), *Phong cách học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

6. Hoàng Kim Ngọc (2009), *So sánh và ẩn dụ trong ca dao trữ tình (dưới góc nhìn ngôn ngữ - văn hóa học)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Hoàng Phê (2018), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

8. Cù Đình Tú (2007), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

9. Nhiều tác giả (2019), *SGK Ngữ văn 10 (tập 1)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

10. Nhiều tác giả (2019), *SGK Ngữ văn 10 (tập 2)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

11. Nhiều tác giả (2019), *SGK Ngữ văn 11 (tập 1)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

12. Nhiều tác giả (2019), *SGK Ngữ văn 11 (tập 2)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

13. Nhiều tác giả (2019), *SGK Ngữ văn 12 (tập 1)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

14. Nhiều tác giả (2019), *SGK Ngữ văn 12 (tập 2)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

MORE A LOOK AT SIMILE IN THE PHILOLOGY CURRICULUM AT HIGH SCHOOL

Nguyen Hien Trang

Nguyen Thai Hoc High School, Khanh Hoa

Abstract: *Simile uses linguistic signals which has been studied for many centuries, from many different angles, and is an art method widely used in linguistic functional styles, popular with many types of texts because it contributes to making the text rich in imagery and expressiveness. In the Philology curriculum at high school, simile appears quite a lot in texts, especially in art texts.*

Keywords: *Simile; Text; Philology curriculum.*